TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 03-01-2025.
"V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2/ Ông Lữ Khắc Hồi.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Khởi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phên toà: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN S.

Địa chỉ: 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K– Chức vụ: Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN S

Người đại diện là anh Nguyễn Lê B, sinh 1992 – Nhân viên.

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Thị M, Khóm 6, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/01/2024 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần C, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Thanh N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của CÔNG TY CỔ PHẦN S *trong quá trình giải quyết vụ án có lời trình bày và yêu cầu như sau:* Vào ngày 23/5/2023 ông Trần C có cầm cố tài sản với Công ty T– C– Công ty TNHH S Việt Nam theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 23/5/2023 một xe mô tô nhãn hiệu Honda; Loại SH 125i; Biển số 84E – 375.92; Số khung RLHJF7304GY066859; Số máy JF73E0066907 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 011436 do Công an Trà Vinh cấp ngày 20/10/2021 với số tiền là 24.200.000đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng);* Thời hạn cầm cố là 06 tháng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, giải ngân ngày 23/5/2023. Lãi suất 1,1% số tiền cầm cố/ tháng, lãi suất quá hạn là 4% số tiền quá hạn thanh toán /tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5% số tiền cầm cố/tháng; Phí mượn xe là 3% số tiền cầm cố/ tháng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 7%/tháng 8%/tháng giá trị phần nghĩa vụ vị vi phạm; Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán; Chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc nên ngày 23/5/2023 ông C có gửi đơn đến Công ty TNHH S Việt Nam xin mượn lại chiếc xe để phục vụ nhu cầu đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe mô tô, thời hạn mượn là 01 (một) tháng từ ngày 23/5/2023 đến ngày 23/6/2023. Phía Công ty đã cho ông C mượn xe và ông C cam kết thực hiện đúng nội dung đã cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 24/6/2024 ông C chỉ thanh toán cho Công ty được số tiền 9.494.000đồng *(Chín triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Phần còn lại ông C không thực hiện đúng như cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty, ông C còn nợ Công ty tổng cộng số tiền là 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)* chưa thanh toán. Nên Công ty yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền là 27.171.735đồng và phía Công ty yêu cầu ông C phải tiếp tục tính lãi đến ngày ông C trả hết số tiền gốc còn nợ.

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần C có lời trình bày như sau: Ông có cầm cố xe mô tô SH 125i biển số kiểm soát 84E – 375.92 với Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh T số tiền là 24.200.000đồng *(Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*, ông có đóng cho Công ty số tiền là 9.494.000đồng *(Chín triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Nay Công ty yêu cầu ông trả số tiền còn nợ 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)* thì ông thống nhất trả cho Công ty và ông có đơn xin Tòa giải quyết vắng mặt ông.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhưng phía bị đơn ông C vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công Ty TNHH S Việt Nam và bị đơn ông Trần C vắng mặt có đơn xét xét xử vắng mặt.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 309, 311, 314, 315 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY CỔ PHẦN S – Chi nhánh T. Buộc ông Trần C có nghĩa vụ trả cho CÔNG TY CỔ PHẦN S số tiền còn nợ là 27.171.735 đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)*.

Ngoài ra Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị đơn ông Trần C phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là Công ty TNHH S Việt Nam vắng mặt có ủy quyền cho anh Lê Nguyễn B tham gia tố tụng và bị đơn là ông Trần C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH S – Chi nhánh Trà Vinh khởi kiện yêu cầu ông Trần C trả số tiền cầm cố xe còn nợ là 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)*. (Trong này tiền nợ gốc là 16.388.026đồng, tiền lãi trong hạn là 454.247đồng, phí quản lý hồ sơ là 204.851đồng, phí mượn xe là 2.904.000đồng và tiền phạt nghĩa vụ thanh toán là

1.311.042đồng) và Công ty yêu cầu ông C phải tiếp tục tính lãi đến ngày 25/6/2024 cho đến khi ông C trả hết số tiền còn nợ. Bị đơn ông C thừa nhận ông có cầm cố xe mô tô SH Mode 125i biển số kiểm soát 84E – 375.92 cho Công ty TNHH S– Chi nhánh T với số tiền là 24.200.000đồng *(Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*, ông có đóng được cho Công ty được số tiền là 9.494.000đồng *(Chín triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Nay ông C thừa nhận còn nợ lại số tiền 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)* chưa trả cho Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh T. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên thấy rằng: Các đương sự đã thống nhất được tiền cầm cố xe mà hai bên còn tranh chấp là 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)*. Vì vậy, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự về chứng cứ chứng minh, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật, đương sự thừa nhận không phải chứng minh. Ông C có lời khai ông đồng ý trả số tiền còn nợ này cho Công ty TNHH S – Chi nhánh T nên ghi nhận ý kiến này của ông C. Hội đồng xét xử buộc ông C phải trả cho Công ty số tiền cầm cố xe 27.171.735đồng là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của vị kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Công ty TNHH S – Chi nhánh T không phải chịu án phí. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, Điều 311, Điều 317 và Điều 315 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S – Chi nhánh T.

Buộc ông Trần C có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh T số tiền 27.171.735đồng *(Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)*.

[2] Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024 ông Trần C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần C có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 1.358.500đồng *(Một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

Hoàn trả lại Công ty TNHH S – Chi nhánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 679.000đồng *(Sáu trăm bảy mươi chín đồng)* theo biên lai thu tiền số 0009644, ngày 18 tháng 11 năm 2024 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên